



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

Rạng Đông
RDP

Luôn Luôn Tốt Hơn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2012





MỤC LỤC

THÔNG DIỆP	3
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4
Tầm nhìn	6
Sứ mệnh	6
Chính sách chất lượng	7
Bảo vệ môi trường	8
GIỚI THIỆU CÔNG TY	9
Giới thiệu chung	10
Danh mục sản phẩm	23
Cơ cấu tổ chức	34
Giới thiệu HĐQT	36
Giới thiệu Ban lãnh đạo	40
Giới thiệu Ban kiểm soát	42
BÁO CÁO CỦA HĐQT	45
Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2008 - 2012	46
Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT	49
Phương hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2017	50
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	51
Thông tin doanh nghiệp	52
Báo cáo của Ban giám đốc	54
Báo cáo kiểm toán	56
Bảng cân đối kế toán	58
Kết quả hoạt động kinh doanh	62
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	64
Thuyết minh báo cáo tài chính	66
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	89
Thông tin chung	90
Dữ liệu thống kê và thành viên góp vốn	92

THÔNG DIỆP

- ▶ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- ▶ Tầm nhìn
- ▶ Sứ mệnh
- ▶ Chính sách chất lượng
- ▶ Bảo vệ môi trường



Ông Hồ Đức Lam
TGD - Chủ tịch HĐQT công ty

— THÔNGIỆP ► THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ —

Kính thưa Quý cổ Đông !

Năm 2012 chúng ta tiếp tục chứng kiến những biến động xấu của nền kinh tế thế giới tác động bởi các cuộc khủng hoảng về tài chính, tiền tệ, nợ công. Đối với nền kinh tế Việt Nam tình hình lạm phát, thị trường bất động sản, thị trường xuất khẩu diễn biến theo chiều hướng xấu. Để kiểm soát và ổn định nền kinh tế chính phủ đã đưa ra một số chính sách tiền tệ theo đó tăng cường thắt chặt hơn dòng tiền, tái cấu trúc nền kinh tế ảnh hưởng nhiều đến chính sách tiêu dùng của doanh nghiệp, của xã hội sức mua giảm sút dự kiến tình hình kinh tế tiếp tục diễn biến xấu trong năm 2013.

Mặc dù tình hình kinh tế năm 2012 còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên cùng với sự tin tưởng của quý vị cổ đông . Hội Đồng Quản Trị và Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp và quyết sách đúng đắn và kịp thời để hoàn thành kế hoạch mà các cổ đông giao phó với mức tăng trưởng doanh thu 17,06% so với năm trước vượt 2,75% kế hoạch trong đó doanh số xuất khẩu cũng có mức tăng trưởng ấn tượng 43% so với cùng kỳ đồng thời hai dòng hàng chủ lực là giả da và bao bì tăng trưởng trên 25% so với năm trước, đặc biệt lợi nhuận tăng 72,36% so với cùng kỳ và vượt 56,23% kế hoạch và đây cũng là năm công ty đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất từ trước tới nay và một lần nữa là minh chứng, là niềm tin trên con đường mà Rạng Đông đã lựa chọn.

Với phương châm “ Luôn luôn tốt hơn “ Công ty đã bắt tay vào việc cải tổ, thay đổi cách nghĩ, cách làm, tư duy ngay sau thời điểm cổ phần hoá để xây dựng văn hoá công ty, áp dụng các công nghệ , quản lý tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm mang lại sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, hướng tới những vị thế và tầm cao mới.

Thưa các quý cổ đông

Năm 2012 có thể đánh dấu bước phát triển mới của công ty ngoài các chỉ tiêu về kinh tế đã đạt được ở trên công ty cũng đã xây dựng cho mình hệ thống khách hàng lớn luôn cùng gắn kết, đồng hành và chia sẻ với Rạng Đông trong những thời điểm khó khăn, có thể đó là khách hàng và cũng là những cổ đông của công ty, cũng như sự tin tưởng của các cổ đông tiếp thêm động lực, niềm tin để Hội Đồng Quản Trị cùng tập thể ban lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên công ty nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được các cổ đông giao phó.

Bước sang năm 2013 được dự báo tình hình sẽ càng khó khăn, với niềm tin vào con đường đã chọn với sự tin tưởng của các cổ đông Hội Đồng Quản Trị cùng toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên công ty nỗ lực phấn đấu luôn sáng tạo đề ra các giải pháp đúng đắn và kịp thời phù hợp với tình hình kinh tế và luôn tin tưởng sẽ hoàn thành mục tiêu đã đề ra để mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo.

Xin kính chúc các cổ đông Sức khỏe và Hạnh Phúc!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



THÔNG DIỆP ► TẦM NHÌN

- Phấn đấu dẫn đầu trong nước và được nhìn nhận trên thế giới về sáng tạo, phát triển ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng
- Giữ vững vị thế là nhà sản xuất Màng Mỏng hàng đầu Việt Nam
- Phấn đấu là một trong ba nhà sản xuất Giã Da hàng đầu Việt Nam
- Phấn đấu là một trong ba nhà sản xuất Bao Bì Phức Hợp hàng đầu Việt Nam

THÔNG DIỆP ► CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Nhận trách nhiệm trước mỗi khách hàng về các sản phẩm do công ty cung cấp.
2. Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa mẫu mã để đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu đòi hỏi của thị trường trong nước và xuất khẩu.
3. Chính sách chất lượng của công ty được triển khai đến tất cả mọi người trong công ty để thấu hiểu, áp dụng, và duy trì.

THÔNG DIỆP ► SỨ MỆNH

- Vận dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, sáng tạo, cải tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng phục vụ cho các ngành sản xuất và dịch vụ, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước
- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, hợp tác với khách hàng vì lợi ích đôi bên và vì sự phát triển của đời sống xã hội
- Tạo dựng môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Tạo công ăn việc làm cho xã hội
- Tuân thủ qui định của pháp luật, bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng xã hội tiến bộ và văn minh



sản phẩm Bao bì phức hợp

THÔNG DIỆP ► BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỂ ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.

Những biện pháp sản xuất của Công ty đảm bảo môi trường trong lành. Song song với việc phát triển sản xuất, **Rạng đông** luôn quan tâm đến việc bảo vệ môi trường bằng các biện pháp sau:

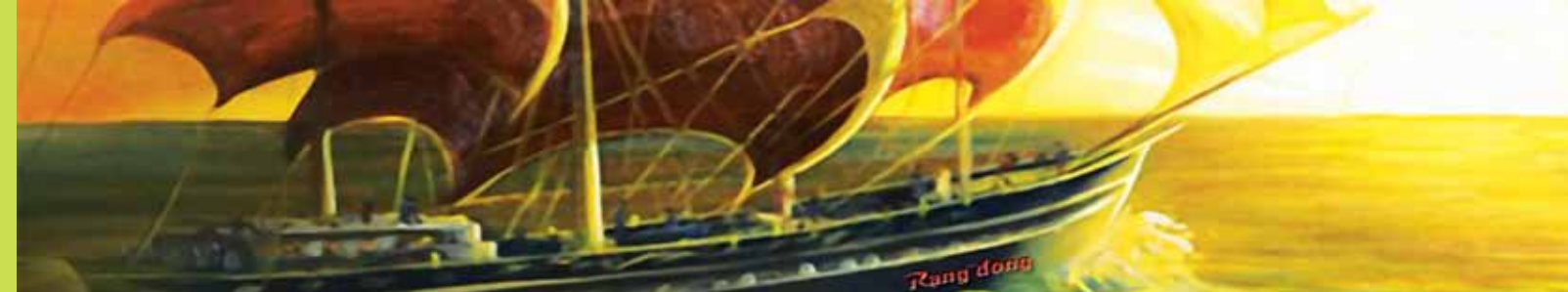
- ✿ Xử lý khí thải để thu hồi DOP và đảm bảo các chỉ tiêu khí thải.
- ✿ Xử lý nước thải và tuần hoàn để bảo vệ nguồn tài nguyên nước.
- ✿ Lọc bụi trong không khí đảm bảo môi trường làm việc trong lành
- ✿ Sử dụng các nguyên liệu sạch và thân thiện với môi trường để đảm bảo sản phẩm có thể xuất khẩu và an toàn sức khỏe cho mọi người.

Hệ thống thu hồi khí thải DOP tại máy sản xuất giả da PVC xốp



GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Giới thiệu chung
- Danh mục sản phẩm
- Cơ cấu tổ chức
- Giới thiệu HĐQT
- Giới thiệu Ban lãnh đạo
- Giới thiệu Ban kiểm soát



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► GIỚI THIỆU CHUNG

CÁC MỐC SON LỊCH SỬ

- 1960** ● Được thành lập ngày 12.12.1960 với tên hãng UFEOC (Liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp). Từ năm 1962 đổi tên thành UFILASTIC COMPANY.
- 1975** ● Sau ngày 30.04.1975: Công ty UFILASTIC được Nhà nước Việt Nam tiếp quản, chuyển thành nhà máy Nhựa **Rạng đông**
- 1986** ● Vinh dự đón nhận HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG III do Chủ tịch nước trao tặng
- 1991** ● Vinh dự đón nhận HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG I do Chủ tịch nước trao tặng
- 1995** ● Đổi tên thành **Công Ty Nhựa Rạng đông**
- 1996** ● Là thành viên của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam
- 2003** ● Chuyển về trực thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công Nghiệp
- 2005** ● 02.05.2005 Công ty được chính thức cổ phần hóa và chuyển đổi thành: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Rạng đông**
- 2010** ● Vinh dự đón nhận HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

TRÊN 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Từ khi được thành lập đến nay, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, Công ty đã đứng vững và ngày càng phát triển về quy mô, năng lực sản xuất, thị trường như:

►► Từ ngày thành lập và cả trong thập niên 60 hãng UFILASTIC COMPANY, chuyên sản xuất các sản phẩm gia dụng bằng nhựa dẻo như rổ, lồng bàn, rổ đựng giấy văn phòng.

►► Từ 1963-1975 nhập các máy cán đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại giả da, khăn trải bàn, màng mỏng PVC.

* Sản xuất tôn ván PVC, ống nước cứng và mềm, ống bọc dây điện.

* Sản xuất giả da xốp, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm... đã từng được xuất khẩu đi một số thị trường Đông Nam Á.

►► Sau ngày 30/4/1975: Công ty UFILASTIC được Nhà nước Việt Nam tiếp quản, chuyển thành nhà máy Nhựa **Rạng đông** và tiếp tục sản xuất kinh doanh các mặt hàng truyền thống theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao.

►► Năm 1995 công ty được phép xuất nhập khẩu trực tiếp và Liên Doanh với công ty Full – Dexterty (Đài Loan) thành lập xí nghiệp liên doanh Li phú Đông.

►► Năm 1993 tiếp nhận cơ sở vật chất của nhà máy ép dầu Hóc môn để thành lập nhà máy Nhựa Hóc Môn.

►► Năm 1996 tiếp nhận cơ sở vật chất của nhà máy giấy ảnh Bình Minh để thành lập chi nhánh công ty tại Hà Nội và nhà máy Nhựa Giấy Bình Minh tại Hà Nội.

►► Năm 1997 tiếp nhận cơ sở vật chất của nhà máy nhựa thuộc Sở Công nghiệp Khánh Hòa để thành lập nhà máy Nhựa Nha Trang tại thành phố Nha Trang.

►► Năm 1999 Công ty mua lại phần vốn góp của đối tác Đài Loan tại Xí nghiệp liên doanh Li Phú Đông và thành lập nhà máy Nhựa 6.

►► Năm 2000 tiếp nhận cơ sở vật chất của cửa hàng bảo hộ lao động Vinh để thành lập chi nhánh Công ty tại Nghệ An.

►► Từ năm 1996 là thành viên của Tổng công ty Nhựa Việt Nam.

►► Năm 2003 công ty chuyển về trực thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công Nghiệp.

►► Năm 2003 Công ty vinh dự nhận chứng chỉ ISO 9001-2000.

►► Ngày 02.05.2005 Công ty được cổ phần hóa và chuyển đổi thành **Công ty cổ phần Nhựa Rạng đông**.

►► Năm 2007 Công ty thành lập chi nhánh: Nhà máy bao bì nhựa số 1 tại Củ Chi, TP.HCM chuyên sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì nhựa mềm phục vụ cho các ngành công nghiệp: hóa chất, chế biến thủy hải sản, các ngành nông lâm, ngư, diêm nghiệp, thực phẩm...

►► 22.09.2009: Công ty chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM

►► 11.20010: vinh dự đón nhận HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

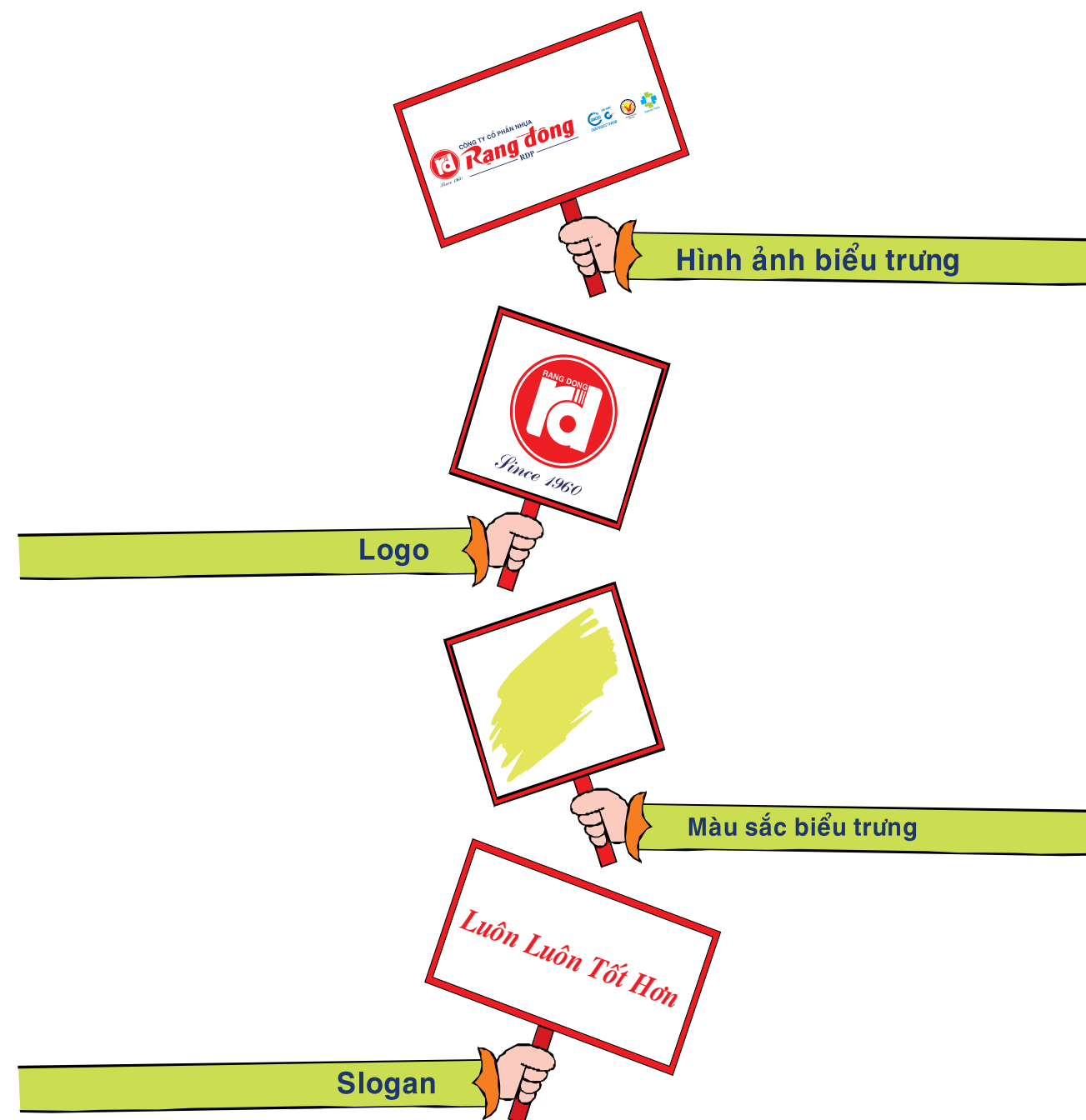
►► Từ năm 2000 đến nay Công ty đã liên tục đầu tư hàng trăm tỉ đồng để đầu tư các hệ thống máy cán nhựa, máy ghép màng nhựa, máy in tráng hiện đại, máy ép ván và máy hấp xốp giả da, ... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, sản xuất đa dạng các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, bảo vệ môi trường sản xuất.



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► GIỚI THIỆU CHUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► GIỚI THIỆU CHUNG

BIỂU TRƯNG THƯƠNG HIỆU



Một chuyên gia
Với các đặc điểm và tính cách

Tay nghề cao

Thông qua sản phẩm chất lượng, dịch vụ chuyên nghiệp



Năng động

Thông qua việc nắm bắt nhu cầu thị trường



Đa năng

Thông qua sản phẩm công nghệ đa dạng



Chuẩn mực

Thông qua tính cam kết, minh bạch trong kinh doanh và tuân thủ pháp luật



Thân thiện

Thông qua mối quan hệ bền chặt với khách hàng và xã hội cộng đồng



Yêu thiên nhiên

Thông qua ý thức và sự tuân thủ quy định bảo vệ môi trường



GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG III - năm 1986



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG III - năm 2010



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG I - năm 1991



Since 1960



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
năm 2008 - 2010 - 2012



Do người tiêu dùng
Bình chọn

17 năm liền là HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
từ 1997 - 2013



Tự hào là THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2008 - 2010 - 2012



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► GIỚI THIỆU CHUNG

MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT GIẤ DA, MÀNG MỎNG, TÔN, VÁN, KHĂN TRẢI BÀN

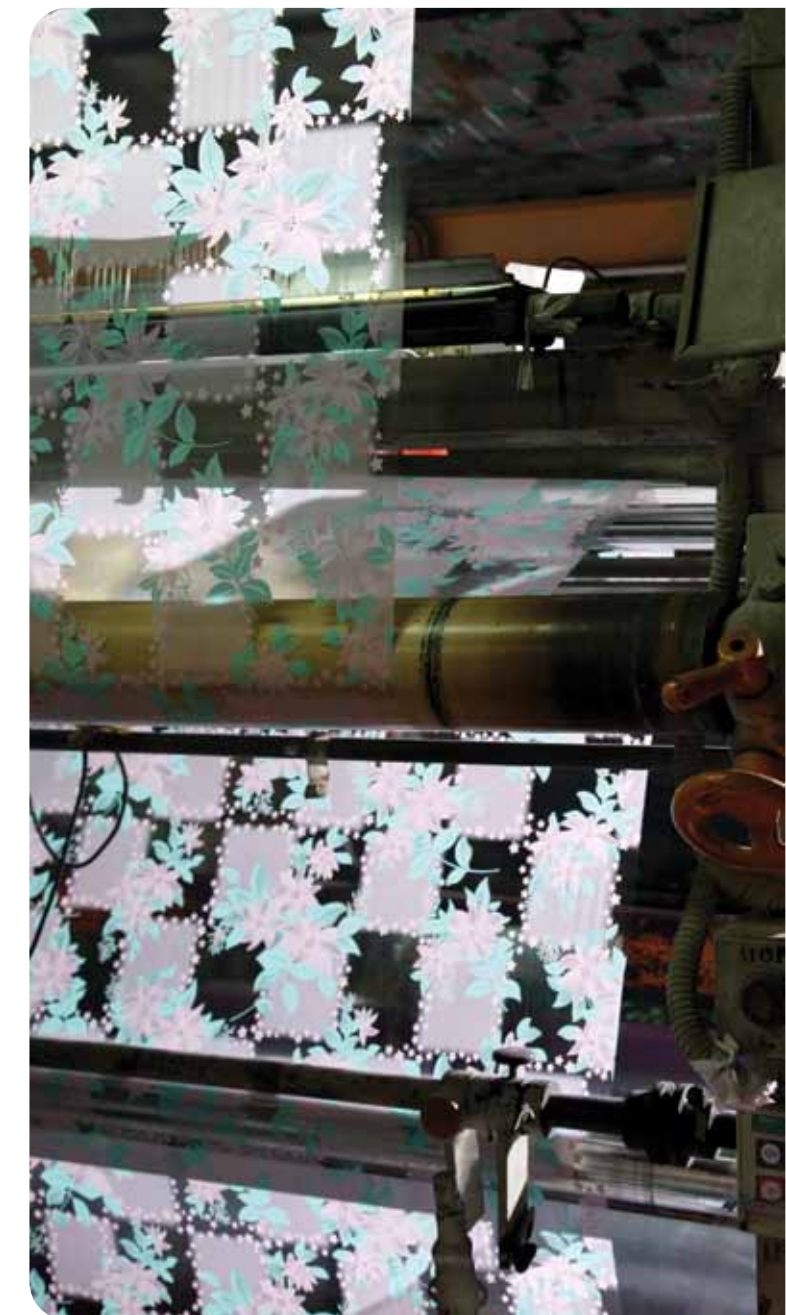
Máy hấp xộp phục vụ sản xuất giả da



Dây chuyền máy cán phục vụ sản xuất màng mỏng



Máy in 06 màu phục vụ sản xuất màng in hoa, khăn trải bàn



Máy sản xuất tôn



Máy tráng phục vụ sản xuất giả da



Máy ép vân chân không



Máy dệt kim





GIỚI THIỆU CÔNG TY ► GIỚI THIỆU CHUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY ► GIỚI THIỆU CHUNG

MÁY MÓC THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT BAO BÌ PHỨC HỢP

Nhà máy bao bì số 1



Máy ghép đùn



Máy dán màng co PVC



Máy ghép khô có dung môi



Máy ghép khô không dung môi



Máy thổi màng Macchi



Máy in 12 màu



Máy chia cuộn



Máy cắt dán túi





GIỚI THIỆU CÔNG TY ► GIỚI THIỆU CHUNG

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM



Máy đo độ nhớt mực in



Máy đo cơ lý



NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM



Máy đo chỉ số chảy nhựa



Máy thử mực in



Máy đo độ co màng

SẢN PHẨM

- Màng PVC
- Màng PE, EVA
- Giả da
- Vải trắng
- Vải ghép nhựa
- Tarpaulin
- Tấm dán trần PVC
- Tôn, ván
- Sản phẩm chế biến
- Bao bì phức hợp





sản phẩm **Màng PVC**



sản phẩm **Màng PE, PEVA**



sản phẩm Giả da



sản phẩm Vải trắng nhựa

sản phẩm Vải ghép nhựa

sản phẩm Tarpaulin



sản phẩm Tấm dán trần



sản phẩm Tôn, Ván

sản phẩm Áo mưa



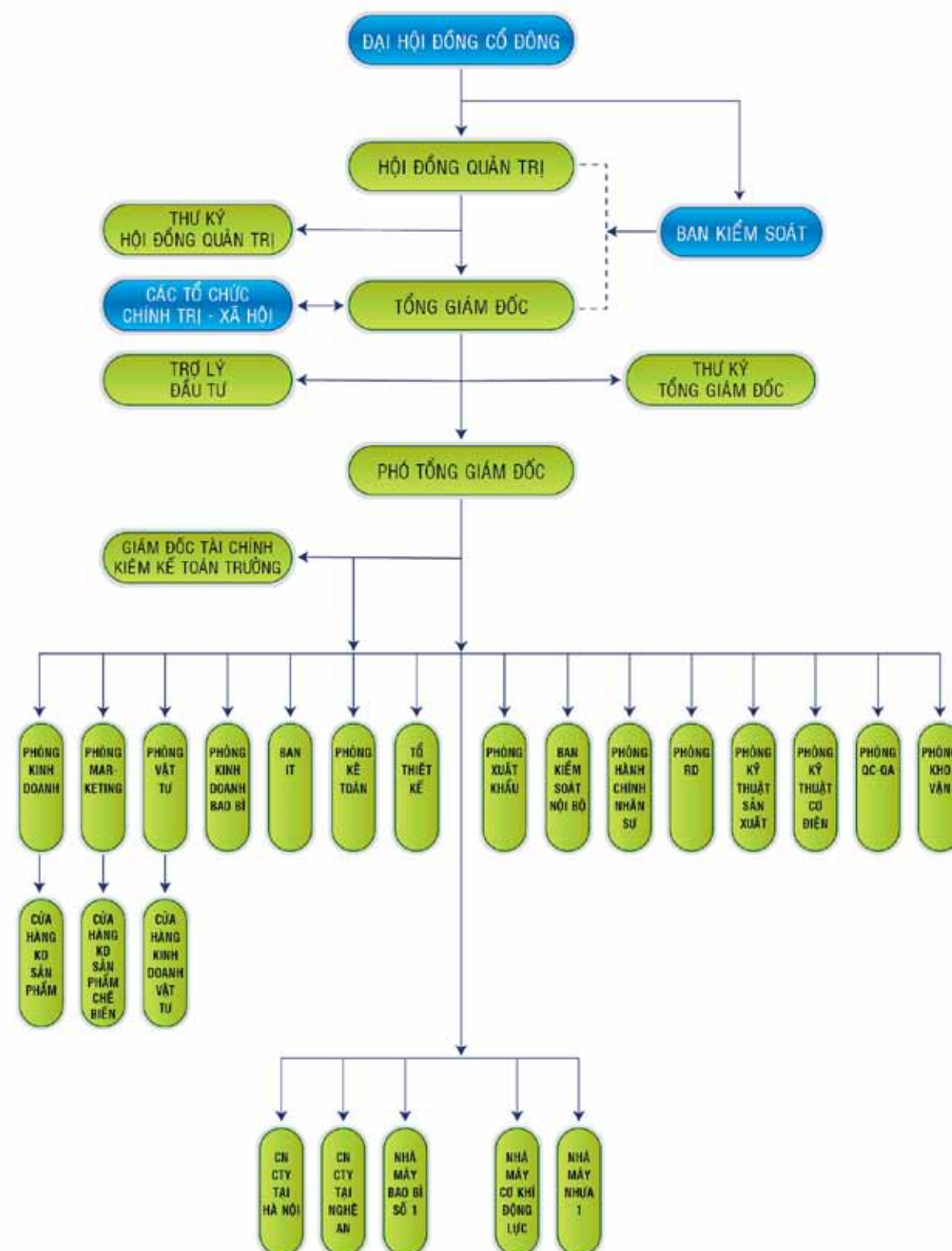
sản phẩm Bao bì phức hợp

GIỚI THIỆU CÔNG TY ► CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức của công ty, gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng Quản trị : 05 người.
- Ban Kiểm soát : 03 người
- Các tổ chức chính trị, Đoàn thể: Đảng bộ Công ty, Công đoàn Cơ sở công ty, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Ban Điều hành Công ty: 03 người
- 15 Phòng ban nghiệp vụ - kinh doanh – kỹ thuật
- 05 Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc.
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: 708 CBCNV trong đó nữ : 186. Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như: BHXH, BHYT, BH thất nghiệp... hàng năm đều tổ chức đi nghỉ mát 01 lần, tặng quà sinh nhật cho CB-CNV...
- Chính sách đối với người lao động: 100% được giao kết HĐLĐ, được trả lương theo công việc (BQ 6,2 triệu đồng/tháng); Được đăng ký BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ. Được đào tạo nghề, nâng bậc lương, khám chữa bệnh theo quy định; Được cấp đầy đủ trang bị BHLĐ, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.

GIỚI THIỆU CÔNG TY ► CƠ CẤU TỔ CHỨC





GIỚI THIỆU CÔNG TY ▶ GIỚI THIỆU HĐQT



Ông HỒ ĐỨC LAM

*Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, Bí thư Đảng ủy Công ty
Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội nhựa Việt Nam*



Ông NGÔ VIỆT SƠN
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông LÊ THANH PHƯƠNG
*Thành viên HĐQT
Giám đốc Nhà máy Nhựa 1*



Ông NGUYỄN ĐẮC HẢI
*Thành viên HĐQT
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng*



Bà NGUYỄN THỊ THU CÚC
*Thành viên HĐQT
Giám đốc Hành chính nhân sự kiêm Chủ tịch công đoàn*

GIỚI THIỆU CÔNG TY ▶ GIỚI THIỆU HĐQT

Ông HỒ ĐỨC LAM - *Chủ tịch HĐQT kiêm TGD, Bí thư Đảng ủy Công ty, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội nhựa Việt Nam*

- Ngày, tháng, năm sinh: 01/06/1962
- Nguyên quán: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN số 024332090 do CA Tp.HCM cấp ngày 09-11-2004
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh - Kỹ sư điện
- Địa chỉ thường trú: M3, Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Quá trình công tác:
 - * Từ 1981 -1984: Công nhân điện, Nhà máy Diêm Hòa Bình
 - * Từ 1985 - 12/2005: Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy, Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**, Phó TGD Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 1/2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội nhựa Việt Nam

Ông NGÔ VIỆT SƠN - *Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

- Ngày, tháng, năm sinh: 16/09/1967
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số 011713875 do CA Hà Nội cấp ngày: 27/12/1999
- Địa chỉ thường trú: 120 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính quốc tế
- Nghề nghiệp: Công chức Nhà nước
- Thái độ chính trị: Đảng viên
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:
 - * Từ 1984 - 1988: Học Viện Ngân hàng - Hà Nội chuyên ngành Cử nhân Kinh tế (Tín dụng và đầu tư xây dựng cơ bản)
 - * Từ 1997 - 1999: Trường đại học Brandeis - MA, USA chuyên ngành Kinh tế học và tài chính quốc tế
- Quá trình công tác:
 - * Từ 1989 - 1990: Chuyên viên tài chính ngân hàng của Vụ Tài chính ngân hàng Bộ Tài chính
 - * Từ 1990 - 2000: Chuyên viên chính sách thị trường vốn của Kho bạc Nhà nước TW Bộ Tài chính
 - * Từ 2000 - 2006: Chuyên viên, Phó Trưởng phòng - chuyên gia hợp tác tài chính đa phương và đàm phán thương mại FTA của Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Tài chính
 - * Từ 2006 đến nay: Phó Trưởng ban Đầu tư và Trưởng Ban Đầu tư 3 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

GIỚI THIỆU CÔNG TY» GIỚI THIỆU HĐQT

Ông LÊ THANH PHƯƠNG - Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Nhà máy Nhựa 1

- Ngày, tháng, năm sinh: 24/01/1969
- Quê quán: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN Số: 350852215, do CA. An Giang cấp ngày 24/11/1993
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá
- Địa chỉ thường trú: 11C Nguyễn Thức Đường, Phường An lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - * Từ 4/1994 - 2004: Cán bộ kỹ thuật, Công ty Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 2005 - 2006: Phó Giám đốc trung tâm nghiên cứu chất dẻo, Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 1/2006 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Nhà máy Nhựa 1 Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 19.887 cổ phần, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 19.887 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Ông NGUYỄN ĐẮC HẢI - Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Ngày, tháng, năm sinh: 10/11/1975
- Quê quán: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN Số: 024745486, do CA T/P HCM cấp ngày 21/05/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Địa chỉ thường trú: Số 36, đường số 15, Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Quá trình công tác :
 - * Từ 1996- 2/2004: Kế toán Tổng hợp , Công ty Dệt may Thành Công
 - * Từ 3/1004 – 12/2005: Tổ phó chuyên trách BQL dự án, Trưởng ban CNTT, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông** , Phó phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng TCKT, Kế toán Trưởng Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 1/2006 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài chính kiêm Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**

Bà NGUYỄN THỊ THU CÚC - Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Hành chính nhân sự kiêm Chủ tịch công đoàn

- Ngày, tháng, năm sinh: 14/08/1972
- Nguyên quán: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN Số: 022717469, do CA TP.HCM, cấp ngày: 23/03/2003
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ kỹ thuật, kỹ sư hoá
- Địa chỉ thường trú: 163/14/10, Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP HCM
- Quá trình công tác:
 - * Từ 4/1996 - 12/2005: Cán bộ kỹ thuật, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà Máy Nhựa 6, Bí thư đoàn thanh niên Công ty cổ phần Nhựa
 - * Từ 1/2006 đến nay: Giám đốc Trung tâm nghiên cứu chất dẻo Công ty, Giám đốc Hành chánh nhân sự, Bí thư chi bộ, Đảng ủy viên, Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm giám đốc Hành chính Nhân sự Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông** , Ủy viên Ban chấp hành công đoàn Công Thương Việt Nam

GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► BAN LÃNH ĐẠO



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► BAN LÃNH ĐẠO

Ông HỒ ĐỨC LAM - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

(Xem phần “GIỚI THIỆU HĐQT” để biết thêm thông tin về Ông HỒ ĐỨC LAM - trang 39)

Ông NGUYỄN VĂN THƯỜNG - Phó Tổng Giám Đốc

- Ngày, tháng, năm sinh: 10/09/1958
- Quê quán: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN Số 020135023 cấp ngày 24-07-2001 do CA.TP. HCM cấp
- Chức danh: Giám đốc Điều hành Kỹ thuật – Sản xuất
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Địa chỉ thường trú: 207 Đường Thống nhất, P.Tân Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM.
- Quá trình công tác :
 - * Từ 1/1981-8/1993: Cán bộ kỹ thuật, Giám đốc Nhà máy Nhựa 2 thuộc Công ty Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 10/1993-3/2006: Giám đốc Nhà máy Nhựa Hóc Môn, Giám Đốc Trung tâm nghiên cứu chất dẻo Công ty Nhựa **Rạng đông**
 - * Từ 4/2006 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhựa **Rạng đông**

GIỚI THIỆU CÔNG TY ►► BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN HẠNH BẢO PHÚC
Trưởng Ban kiểm soát



Bà LÊ HẠNH DINH
Thành viên



Ông LƯƠNG TRUNG HIẾU
Thành viên

Ông NGUYỄN HẠNH BẢO PHÚC - Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1983
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguyên quán: Quảng Ngãi
- Hộ khẩu thường trú: 47/27 Trần Hưng Đạo, phường 6, quận 5, TP.HCM
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp
- Các khóa đào tạo đang tham gia: ACCA, CFA
- Tóm tắt quá trình công tác:
 - * Từ tháng 04/2005 đến 07/2005: công tác tại Phòng Tài chính - Công ty cổ phần Viet can Tech, chịu trách nhiệm phân tích và lập kế hoạch sử dụng vốn lưu động, lập kế hoạch đặt hàng và theo dõi thanh toán tiền cho nhà cung cấp.
 - * Từ tháng 08/2005 đến tháng 08/2007: công tác tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Vietnam), đã từng tham gia kiểm toán Báo cáo tài chính một số ngân hàng Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam trên các lĩnh vực nước giải khát, bất động sản, du lịch, ... Ngoài ra còn tham gia kiểm toán hệ thống và quy trình của các Công ty đa quốc gia.
 - * Từ tháng 09/2007 đến nay: công tác tại Bộ phận quản lý doanh nghiệp - Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Bà LÊ HẠNH DINH - Thành viên

- Ngày, tháng, năm sinh: 04/09/1972
- Quê quán: Quảng Đông - Trung Quốc.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- CMDN Số: 022704198, do CA T/P HCM cấp ngày 01/07/1995.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính kế toán.
- Địa chỉ thường trú: số 3.10 C/c La Kai, 98 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, Quận 5, TP.HCM.
- Chức vụ hiện tại : Nhân viên P.Kinh doanh Công ty Cổ phần Nhựa
- Quá trình công tác :
 - * Từ 10/1995 đến nay : Nhân viên P.Kinh Doanh Công ty cổ phần nhựa **Rạng đông**

Ông Lương Trung Hiếu - Thành viên

- Ngày, tháng, năm sinh: 23/08/1970
- Quê quán: Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMDN Số: 022457696, do CA. TP. HCM cấp
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Địa chỉ thường trú: 386 An Dương Vương, Phường 04, Quận 05, TP.HCM.
- Chức vụ hiện tại: Giám Đốc nhà máy cơ khí động lực - Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông**
- Quá trình công tác :
 - * Làm việc tại nhà máy cơ khí động lực thuộc Công ty cổ phần nhựa **Rạng đông** từ tháng 11/1993 với chức vụ kỹ sư cơ khí theo dõi bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.



sản phẩm Áo mưa

BÁO CÁO CỦA HĐQT

- ▶ Những kết quả đạt được trong năm
- ▶ Một số tồn tại
- ▶ Chiến lược phát triển
- ▶ Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, BĐH
- ▶ Phương hướng hoạt động của HĐQT



BÁO CÁO CỦA HĐQT ► NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2008 - 2012

Trong nhiệm kỳ vừa qua HĐQT và Ban điều hành công ty đã nỗ lực tập trung hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐ Cổ đông giao phó trong nhiệm kỳ 5 năm trong năm 2008 chưa đạt mục tiêu đề ra các năm còn lại có mức độ tăng trưởng rõ rệt cả về doanh thu và lợi nhuận. hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐ Cổ đông giao. Đặc biệt kể từ năm 2009 có sự thống nhất cao trong thành viên HĐQT phối hợp tốt với ban điều hành, HĐQT đã có những quyết định kịp thời về các giải pháp kinh doanh, thị trường, đầu tư, nhân sự nhằm đảm bảo thực thi công việc tốt hơn.

Trong nhiệm kỳ qua HĐQT đã xây dựng các quy chế quản trị, quy chế quản lý tài chính... quy chế làm việc phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong hệ thống công ty đảm bảo được xuyên suốt mang tính hệ thống công khai, minh bạch đúng chức năng và quyền hạn của từng vị trí công việc.

Các hoạt động chính của HĐQT :

- Tổ chức thành công các ĐHĐ Cổ đông
- Triển khai các nội dung đã được ĐHĐ Cổ đông thông qua.
- Giám sát thường xuyên của HĐQT đối với ban điều hành công ty.

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
1	Doanh thu	tr đồng	472,118	493,552	630,187	806,842	945,182
2	Tổng chi phí	tr đồng	468,902	479,561	606,412	785,658	903,780
3	Lợi nhuận trước thuế	tr đồng	3,216	13,991	23,775	24,020	41,402
4	Tỷ suất LN/VĐL	%	2.80%	12.17%	20.67%	20.89%	36.00%
5	Thuế TNDN	tr đồng	587	5,507	4,708	6,502	10,352
6	Lợi nhuận sau thuế	tr đồng	2,629	8,484	19,067	17,518	31,050
7	Cổ tức	%	1.5%	8%	10%	10%	15%

Doanh thu, lợi nhuận hàng năm đều có sự tăng trưởng đặc biệt năm 2010, 2011 tăng trưởng mạnh về doanh thu 27,6%, 28%, năm 2012 tăng trưởng mạnh về lợi nhuận 72%. Qua tổng tài sản tăng 1,76 lần so với năm 2008.

BÁO CÁO CỦA HĐQT ► NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2008 - 2012

2. Hoạch định chiến lược phát triển:

Sau khi cổ phần hoá công ty đã xác định dòng hàng chiến lược có khả năng phát triển, mang lại lợi nhuận cho công ty để tập trung vào dòng hàng này là bao bì và giả da.

Bên cạnh đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu từ cách đổi mới phương thức kinh doanh, chăm sóc khách hàng, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng. Công ty còn tập trung đầu tư trang thiết bị nghiên cứu, sản xuất, đầu tư về con người nhằm đáp ứng được nhu cầu thị trường mở ra tiềm năng phát triển.

Tập trung đẩy mạnh thị trường xuất khẩu cho các dòng hàng, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu đối với các tập đoàn lớn để xâm nhập thị trường. duy trì mức tăng trưởng hàng năm đối với bao bì trên 20% và doanh số xuất khẩu tăng trưởng hàng năm trên 40%.

3. Công tác giám sát :

HĐQT nhiệm kỳ đã họp 62 cuộc họp, ban hành 137 quyết định, nghị quyết, thông qua 7 Quy chế.

Các văn bản, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động SXKD của công ty, các cuộc họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát, các tài liệu nội dung họp được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ, đúng quy định. Các ý kiến của từng thành viên HĐQT đều được thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp, trên cơ sở đó HĐQT ban hành nghị quyết làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện. Các cuộc họp HĐQT đều tiến hành đánh giá các mục tiêu đề ra tại cuộc họp trước nhằm đánh giá tình hình và đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc để Ban điều hành thực thi nhiệm vụ được tốt hơn.

4. Công tác về tổ chức nhân sự :

Nhiệm kỳ 2008-2012 HĐQT công ty có điều chỉnh về chức danh trong HĐQT và Ban điều hành công ty nhằm phát huy thế mạnh của từng vị trí, nâng cao công tác quản lý điều hành, giám sát hoạt động SXKD đảm bảo được thường xuyên, xuyên suốt để có những thông tin và giải pháp kịp thời đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ra quyết định cho Ban điều hành triển khai một số giải pháp về tổ chức, nhân sự và hành chính của Cty, tổng số lao động Cty, đào tạo nhằm củng cố và xây dựng bộ máy quản lý hiệu quả trong giai đoạn mới. Đảm bảo định biên lao động từ đó tăng năng suất và hợp lý hóa sản xuất.



BÁO CÁO CỦA HĐQT ►► NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2008 - 2012

Tổng số lao động từ 474 CBCNV năm 2008 lên 620 CBCNV 2012 tăng 30% trong lúc đó doanh số tăng gấp đôi so với năm 2008. Năng suất lao động năm 2012 tăng 53% so với năm 2008.

5. Công tác tài chính - đầu tư :

Công ty luôn đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư. Đáp ứng kịp thời nguồn tiền chi cổ tức, nộp các khoản nghĩa vụ cho nhà nước trong nhiệm kỳ vừa qua.

HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát về nguồn vốn huy động, giao hạn mức huy động theo kế hoạch tài chính – đầu tư được duyệt để Ban điều hành chủ động trong công tác huy động vốn cho sản xuất.

Về công tác đầu tư HĐQT cũng thẩm định, phê duyệt một số dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tổng mức đầu tư phê duyệt trong giai đoạn 2008-2012 là : 121,6 tỷ tập trung chủ yếu cho ngành bao bì và giả da. Trong đó công ty có đầu tư thêm mặt bằng mới để di dời nhà máy nhựa 1 ra khu công nghiệp tập trung theo quy hoạch của thành phố tổng diện tích là 7,2 ha.

6. Công tác niêm yết:

Căn cứ nghị quyết ĐHĐ cổ đông thông qua ngày 29/03/2008, HĐQT cùng Ban điều hành xây dựng kế hoạch niêm yết cổ phiếu công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/09/2009 cổ phiếu RDP được chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HĐQT ►► ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2008-2012 đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao trên cơ sở theo dõi tổng hợp các hoạt động thực tiễn hàng tháng để định hướng mọi hoạt động của công ty. Duy trì chế độ xây dựng kế hoạch hoạt động hàng tháng hàng quý giao cho Ban điều hành để giám sát thực hiện.

- HĐQT đã phân công, phân nhiệm cụ thể từng thành viên, thường xuyên tổ chức họp định kỳ và chuyên đề.

- Bên cạnh việc xem xét, quyết định các công việc thuộc phạm vi phân cấp của HĐQT, HĐQT cũng đã dành nhiều thời gian để thảo luận, xem xét về những định hướng phát triển công ty trong năm và các năm tới.

- HĐQT, ban điều hành đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của công ty theo định hướng phát triển và những chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ hàng năm đề ra. Mặc dù còn nhiều hạn chế và hiệu quả đạt được chưa đều các thành viên HĐQT, Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao phó, hành động vì lợi ích của công ty và lợi ích của cổ đông.

Nhìn chung các thành viên HĐQT có sự phối hợp tốt, thẳng thắn, cởi mở tin tưởng lẫn nhau tạo ra một tập thể mạnh, nhanh chóng đưa ra các quyết sách đúng hướng tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành thực thi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tạo động lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

sản phẩm Bao bì phức hợp



BÁO CÁO CỦA HĐQT ►► PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013 - 2017

- Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh tập trung vào hai dòng hàng chính mang lại giá trị cao của công ty là giả da, và bao bì.
- Bám sát các diễn biến của thị trường, tái cấu trúc các dòng hàng; củng cố nâng cao các quan hệ với khách hàng, tiếp tục mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.
- Xây dựng lại chế độ chính sách đãi ngộ khen thưởng người lao động, thu hút, giữ chân người có năng lực tốt, tài giỏi; tăng cường công tác huấn luyện đào tạo.
- Tập trung tìm kiếm khai thác các nguồn lực sẵn có, các nguồn tài chính có lợi cho công ty; quản lý chặt chi phí đầu vào, chi phí sản xuất và đánh giá kỹ hiệu quả các dự án đầu tư.
- Tiếp tục hoàn thiện và củng cố cơ cấu tổ chức và các công cụ quản lý nhằm vận hành tốt phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trung- dài hạn đồng thời tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp; hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý..... thông qua việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ tin học.
- Tăng cường công tác giám sát, hỗ trợ Ban điều hành thực thi nhiệm vụ thuận lợi và kịp thời nhằm thực hiện tốt KH SXKD hàng năm.

Chỉ tiêu kinh tế:

Chỉ tiêu	KH 2013	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017
Tổng thu nhập	1,050,000	1,207,500	1,436,925	1,724,310	2,000,000
Tổng chi phí	1,005,000	1,159,500	1,384,925	1,662,310	1,928,000
Lợi nhuận trước thuế	45,000	48,000	52,000	62,000	72,000
Cổ tức	15%	15%	15%	15%	15%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin doanh nghiệp
- Báo cáo của BGĐ
- Báo cáo của kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



Since 1960

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

Rạng đông
RDP

Tên tiếng Anh: **Rạng đông** PLASTIC JOINT-STOCK COMPANY
Tên viết tắt: RDP JSC
Mã chứng khoán (HOSE): RDP
Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3969 2272 - 3969 0652
Fax: (08) 3969 2843
Email: nhuarangdong@rdplastic.vn
Website: www.rdplastic.com.vn - www.aomuarangdong.com

Giấy phép đăng ký kinh doanh: số 4103003236 ngày 28/01/2005 do Sở KHĐT TP.HCM cấp

Công ty kiểm toán: CÔNG TY TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Ngô Viết Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BÁO CÁO CỦA BGD

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông** (sau đây gọi tắt là “công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông** là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa **Rạng đông** theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Bao bì số 1	Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	182 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội
Chi nhánh Nghệ An	Số 9 Phan Bội Châu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Ngô Viết Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BÁO CÁO CỦA BGD

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Trưởng ban kiểm soát
Bà Lê Hạnh Đình	Thành viên
Ông Lương Trung Hiếu	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

HỒ ĐỨC LAM
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần nhựa **Rạng đông**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần nhựa **Rạng đông**.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần nhựa **Rạng đông** được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như các, trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần nhựa Rạng Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Cúc
Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 03 năm 2013



sản phẩm Áo mưa



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			349.743.493.874	307.698.646.107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	100	V.1	6.903.123.074	16.041.611.362
1. Tiền	111		6.903.123.074	16.041.611.362
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		117.033.821.891	79.982.202.189
1. Phải thu của khách hàng	131		95.802.958.455	69.005.889.549
2. Trả trước cho người bán	132		23.144.002.967	12.233.438.446
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	785.783.429	818.646.085
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.698.922.960)	(2.075.771.891)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	212.848.057.694	200.815.548.589
1. Hàng tồn kho	141		220.419.625.846	205.630.309.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.571.568.152)	(4.814.761.215)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.958.491.215	10.859.283.967
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	2.383.586.355	1.549.130.123
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.075.552.805	5.615.043.170
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.515.473.629	1.779.572.363
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.983.878.426	1.915.538.311



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.862.664.426	193.790.426.334
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		602.025.192	602.025.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	V.6	602.025.192	602.025.192
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		201.689.503.612	179.584.040.112
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	160.291.706.685	140.256.385.641
- Nguyên giá	222		349.496.707.842	306.971.737.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.205.001.157)	(166.715.351.659)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.088.688.540	7.323.462.912
- Nguyên giá	228		7.993.758.177	7.993.758.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(905.069.637)	(670.295.265)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	34.309.108.387	32.004.191.559
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	7.907.345.507	8.100.184.079
1. Nguyên giá	241		9.063.412.740	9.063.412.740
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.156.067.233)	(963.228.661)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.186.396.520	1.186.396.520
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.186.396.520	1.186.396.520
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		477.393.595	4.317.780.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	477.393.595	3.964.387.869
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262	V.13	-	353.392.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		561.606.158.300	501.489.072.441



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		362.132.529.920	320.426.022.228
I. Nợ ngắn hạn	310		321.644.387.855	278.125.303.700
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	203.593.624.242	186.207.079.631
2. Phải trả cho người bán	312		77.929.900.918	59.742.668.491
3. Người mua trả tiền trước	313		7.833.957.725	7.753.605.118
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	8.270.245.592	5.268.233.159
5. Phải trả người lao động	315		13.664.390.084	11.924.082.974
6. Chi phí phải trả	316	V.16	7.353.961.356	5.285.923.433
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	2.661.486.199	2.152.547.543
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		336.821.739	(208.836.649)
II. Nợ dài hạn	330		40.488.142.065	42.300.718.528
1. Phải trả dài hạn khác	333		602.025.192	602.025.192
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	39.886.116.873	41.629.176.880
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	69.516.456
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.473.628.380	181.063.050.213
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	199.473.628.380	181.063.050.213
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.673.190.000	24.673.190.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(611.871.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.086.794.669	16.459.119.452
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.825.578.649	2.949.686.910
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.975.852.107	20.680.712.186
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		561.606.158.300	501.489.072.441

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		3.783.353.077	4.766.209.432
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		224.334.618	198.853.426
5. Ngoại tệ các loại - USD		27.061,15	75.934,97
- EUR		12.217,70	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải

Hồ Đức Lam

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2013



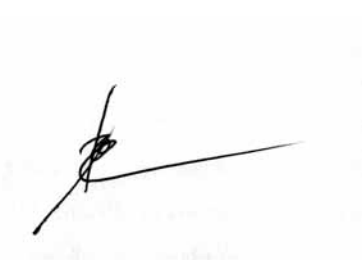
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	952.724.107.490	812.390.176.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.541.638.590	5.548.000.916
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	945.182.468.900	806.842.175.679
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	821.710.632.657	700.024.231.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.471.836.243	106.817.944.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.121.956.114	1.629.623.283
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	21.120.585.535	29.434.820.820
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		19.046.354.874	20.731.532.989
8. Chi phí bán hàng	24		30.092.470.782	24.416.917.920
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.513.841.915	31.366.863.870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.866.894.125	23.228.965.095
11. Thu nhập khác	31	VI.7	539.151.491	1.205.955.326
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.772.509	415.310.470
13. Lợi nhuận khác	40		535.378.982	790.644.856
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.402.273.107	24.019.609.951
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.9	9.998.390.190	6.855.167.731
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.9	353.392.562	(353.392.562)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.050.490.355	17.517.834.782
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.700	1.523

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm



Nguyễn Đắc Hải



Hồ Đức Lam

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2013

sản phẩm Màn sáo ngang



sản phẩm Màn sáo cuộn



sản phẩm Màn sáo đứng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	41.402.273.107	23.775.242.303
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	25.398.482.834	22.756.497.922
- Các khoản dự phòng	3	3.379.958.006	1.796.043.323
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(520.683.629)	(1.176.022.422)
- Chi phí lãi vay	6	19.046.354.874	20.731.532.989
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	88.706.385.192	68.127.661.763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(39.166.574.863)	(4.722.795.552)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.789.316.042)	(40.309.558.496)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.678.205.236	1.460.930.412
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.652.538.042	(621.879.081)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(19.405.476.919)	(19.767.002.633)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.196.546.191)	(6.214.375.227)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	227.053.076	(2.623.116.164)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.206.125.090)	(4.670.134.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.500.142.441	(44.894.100.622)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.311.107.762)	(30.436.740.549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	10.880.000	792.727.274
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	509.803.629	383.295.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.790.424.133)	(29.260.718.127)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	697.672.686.169	574.893.072.701
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(682.029.201.565)	(525.126.452.823)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.491.691.200)	(12.528.637.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.151.793.404	37.237.982.678
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.138.488.288)	3.307.129.573
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	16.041.611.362	12.736.747.609
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(2.265.820)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	6.903.123.074	16.041.611.362

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải

Hồ Đức Lam

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng đông** là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa **Rạng đông** theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Bao bì số 1	Ấp 11, Xã Tân Thanh Đông, H. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	182 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội
Chi nhánh Nghệ An	Số 9 Phan Bội Châu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, Thương mại, và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách; Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu, dịch vụ tổ chức hội thảo, đào tạo tay nghề.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm	05 - 10 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất trong vòng 47 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ dụng cụ và thiết bị quản lý xuất dùng có giá trị lớn được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (36 tháng).

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được CP phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	1.293.850.715	438.184.594
Tiền gửi ngân hàng	5.609.272.359	15.603.426.768
Cộng	6.903.123.074	16.041.611.362

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội phải thu	39.246.231	164.524.653
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	746.537.198	654.121.432
Cộng	785.783.429	818.646.085

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	5.354.315.150	12.596.217.331
Nguyên liệu, vật liệu	144.793.166.293	132.640.775.298
Công cụ, dụng cụ	212.220.787	249.418.683
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.522.199.053	10.459.208.104
Thành phẩm	54.458.155.198	47.118.458.531
Hàng hóa	3.967.167.372	2.124.300.764
Hàng gửi đi bán	112.401.993	441.931.093
Cộng giá gốc hàng tồn kho	220.419.625.846	205.630.309.804
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.571.568.152)	(4.814.761.215)
Cộng giá trị thuần của hàng tồn kho	212.848.057.694	200.815.548.589

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	2.007.244.674	1.094.576.699
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	376.341.681	454.553.424
Cộng	2.383.586.355	1.549.130.123

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	1.983.878.426	1.688.485.235
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	227.053.076
Cộng	1.983.878.426	1.915.538.311

6. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về cổ phần hóa	602.025.192	602.025.192
Cộng	602.025.192	602.025.192



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.021.692.037	242.610.365.031	10.178.397.559	4.161.282.673	306.971.737.300
Số tăng trong năm	-	40.425.954.376	2.653.410.546	1.926.826.012	45.006.190.934
- Mua sắm mới	-	40.425.954.376	2.653.410.546	1.926.826.012	45.006.190.934
Số giảm trong năm	-	1.908.426.392	572.794.000	-	2.481.220.392
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.908.426.392	572.794.000	-	2.481.220.392
Số dư cuối năm	50.021.692.037	281.127.893.015	12.259.014.105	6.088.108.685	349.496.707.842
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.947.084.314	137.640.282.010	6.154.054.259	2.973.931.076	166.715.351.659
Số tăng trong năm	2.259.729.259	21.249.343.538	1.031.747.252	430.049.841	24.970.869.890
- Khấu hao trong năm	2.259.729.259	21.249.343.538	572.794.000	430.049.841	24.970.869.890
Số giảm trong năm	-	1.908.426.392	572.794.000	-	2.481.220.392
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.908.426.392	572.794.000	-	2.481.220.392
Số dư cuối năm	22.206.813.573	156.981.199.156	6.613.007.511	3.403.980.917	189.205.001.157
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	30.074.607.723	104.970.083.021	4.024.343.300	1.187.351.597	140.256.385.641
Tại ngày cuối năm	27.814.878.464	124.146.693.859	5.646.006.594	2.684.127.768	160.291.706.685
			31/12/2012	01/01/2012	
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:			117.514.105.388	105.875.995.523	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			54.867.403.865	40.775.676.188	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Hệ thống quản lý mạng, hệ thống ISSO VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.466.544.597	527.213.580	7.993.758.177
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	7.466.544.597	527.213.580	7.993.758.177
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	421.507.187	248.788.078	670.295.265
Tăng trong năm	155.553.012	79.221.360	234.774.372
- Khấu hao trong năm	155.553.012	79.221.360	234.774.372
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	577.060.199	328.009.438	905.069.637
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.045.037.410	278.425.502	7.323.462.912
Tại ngày cuối năm	6.889.484.398	199.204.142	7.088.688.540

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Xây dựng cơ bản dở dang	30.800.225.885	30.800.225.885
- Dự án đất KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh	5.559.339.878	5.559.339.878
- Dự án 7 lô đất KCN Tân Đô - Long An (*)	21.539.631.607	21.539.631.607
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Công trình xây dựng khác	58.756.350	-
Mua sắm tài sản cố định	3.450.126.152	1.203.965.674
Cộng	34.309.108.387	32.004.191.559

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.063.412.740
Số dư cuối năm	9.063.412.740
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	963.228.661
Tăng trong năm	192.838.572
Số dư cuối năm	1.156.067.233
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	8.100.184.079
Tại ngày cuối năm	7.907.345.507

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.186.396.520	1.186.396.520
Trong đó:		
+NH Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)	1.186.396.520	1.186.396.520
+Cty CP Gò Vấp	1.185.998.600	1.185.998.600
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	397.920	397.920
Cộng	1.186.396.520	1.186.396.520

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Chi phí sửa chữa cải tạo nhà xưởng, văn phòng	-	723.815.867
Công cụ, dụng cụ	468.018.595	2.346.793.088
Chi phí thuê văn phòng	-	93.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.375.000	800.778.914
Cộng	477.393.595	3.964.387.869

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	353.392.56
Cộng	-	353.392.56

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	181.040.475.100	169.674.787.478
Trong đó:		
- Vay Ngân hàng	180.940.475.100	169.574.787.478
- Vay đối tượng khác	100.000.000	100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	22.553.149.142	16.532.292.153
Cộng	203.593.624.242	186.207.079.631

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

Chi tiết số dư cuối kỳ các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc		Tương đương VNĐ	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	22.897.978.148	VND	22.897.978.148	Tài sản
Ngân hàng ACB - Bình Tây	23.007.060.021	VND	23.007.060.021	Tài sản
Ngân hàng HSBC	28.173.758.572	VND	28.173.758.572	Tín chấp
Ngân hàng HSBC	1.254.047,19	USD	26.159.424.383	Tín chấp
Ngân hàng ANZ	12.565.119.421	VND	12.565.119.421	Tín chấp
Ngân hàng ANZ	564.715,05	USD	11.779.955.943	Tín chấp
Ngân hàng Eximbank	1.380.563,37	USD	28.798.551.898	Tín chấp
Ngân hàng Công thương CN10	27.558.626.714	VND	27.558.626.714	Tín chấp
Công đoàn Công ty Nhựa Rạng Đông	100.000.000	VND	100.000.000	Tín chấp
Cộng			181.040.475.100	

Các khoản vay ngắn hạn: thời hạn vay là 6 tháng.

Chi tiết số dư cuối kỳ các khoản vay dài hạn đến hạn trả:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc		Tương đương VNĐ	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Eximbank	1.112.251.236	VND	1.112.251.236	Tài sản
Ngân hàng Eximbank	207.144,00	USD	4.321.023.840	Tài sản
Ngân hàng ACB - Bình Tây	3.180.724.000	VND	3.180.724.000	Tài sản
Ngân hàng ACB - Bình Tây	667.953,80	USD	13.939.150.066	Tài sản
Cộng			22.553.149.142	

sản phẩm Bao bì phức hợp

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	13.788.335	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.939.159.731	5.137.315.732
Thuế thu nhập cá nhân	317.297.526	130.917.427
Cộng	8.270.245.592	5.268.233.159

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Trích trước chi phí lãi vay	605.408.311	964.530.356
Chi phí phải trả khác	6.748.553.045	4.321.393.077
Cộng	7.353.961.356	5.285.923.433

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	1.380.215.608	1.059.858.345
BHXH, BHYT, BHTN	-	121.263
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Tiền bảo hành	266.152.757	331.712.757
Cổ tức phải trả	70.210.850	61.902.050
Phải trả khác	914.906.984	668.953.128
Cộng	2.152.547.543	2.152.547.543

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Vay dài hạn	39.886.116.873	41.629.176.880
Cộng	39.886.116.873	41.629.176.880

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

Chi tiết số dư cuối kỳ các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Lãi suất /năm	Số dư nợ gốc	Tương đương VNĐ	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Eximbank	(a)	2.875.161.264 VND	2.875.161.264	Tài sản
Ngân hàng Eximbank	(b)	465.317,00 USD	9.706.512.620	Tài sản
Ngân hàng TM CP Á Châu	(c)	3.471.282.000 VND	3.471.282.000	Tài sản
Ngân hàng TM CP Á Châu	(d)	1.142.529,29 USD	23.833.160.989	Tài sản
Cộng			39.886.116.873	

(a): Đáo hạn tháng 03 năm 2015, lãi suất thay đổi hàng tháng.

(b): Đáo hạn tháng 03 năm 2016, lãi suất thay đổi hàng tháng.

(c): Đáo hạn tháng 03 năm 2014, lãi suất thả nổi từ 6 đến 12 tháng.

(d): Đáo hạn tháng 07 năm 2015, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	1.397.206.280	13.599.075.370	1.996.338.883	7.929.617.540
Lãi trong năm trước							17.517.834.782
Trích quỹ đầu tư phát triển					2.860.044.082		(2.860.044.082)
Trích quỹ dự phòng tài chính						953.348.027	(953.348.027)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi							(953.348.027)
Tăng / (giảm) khác năm trước				(2.009.077.570)			-
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	(611.871.290)	16.459.119.452	2.949.686.910	20.680.712.186
Lãi trong năm							31.050.490.355
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2011					2.627.675.217		(2.627.675.217)
Trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2011						875.891.739	(875.891.739)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2011							(1.751.783.478)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2011							(11.500.000.000)
Tăng / (giảm) khác năm trước				(611.871.290)			
Số dư cuối năm	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	-	19.086.794.669	3.825.578.649	34.975.852.107

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VNĐ	Tỷ lệ	31/12/2012 VNĐ	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	62.336.820.000	54,21%	62.336.820.000	54,21%
Các cổ đông khác	52.663.180.000	45,79%	52.663.180.000	45,79%
Cộng	115.000.000.000	100%	115.000.000.000	100%



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.500.000.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phiếu

sản phẩm Túi vải không dệt



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	952.724.107.490	812.390.176.595
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	952.038.006.592	811.708.797.863
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	686.100.898	681.378.732

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7.541.638.590	5.548.000.916
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	157.206.406	-
- Giảm giá hàng bán	503.638.681	535.926.971
- Hàng bán bị trả lại	6.880.793.503	5.012.073.945

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	945.182.468.900	806.842.175.679
Trong đó:		
- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	944.496.368.002	806.160.796.947
- Doanh thu thuần dịch vụ	686.100.898	681.378.732

4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	723.371.772.677	612.925.694.962
Giá vốn của hàng hoá đã bán	98.338.859.980	87.098.536.295
Cộng	821.710.632.657	700.024.231.257

5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	188.424.469	191.157.848
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.612.152.485	1.246.328.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia	321.379.160	192.137.300
Cộng	2.121.956.114	1.629.623.283

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

6. Chi phí tài chính		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí lãi vay	19.046.354.874	20.731.532.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.074.230.661	8.703.287.831
Cộng	21.120.585.535	29.434.820.820

7. Thu nhập khác		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	10.880.000	792.727.274
Thu phạt vi phạm hợp đồng	109.969.740	368.115.813
Thu khác	418.301.751	45.112.239
Cộng	539.151.491	1.205.955.326

8. Chi phí khác		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi bồi thường, bị phạt	-	221.649.039
Chi phí khác	3.772.509	193.661.431
Cộng	3.772.509	415.310.470

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:		
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành (a)	9.998.390.190	6.855.167.731
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (b)	353.392.562	(353.392.562)
Tổng cộng chi phí thuế TNDN	10.351.782.752	6.501.775.169

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

a. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.402.273.107	24.019.609.951
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.408.712.348)	2.684.974.564
- Các khoản điều chỉnh tăng	326.237.060	2.877.111.864
+ Chênh lệch vĩnh viễn:		
Chi phí không được khấu trừ	326.237.060	1.463.541.616
+ Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Lỗ chênh lệch tỷ giá cho đầu tư XDCH		1.413.570.248
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.734.949.408	192.137.300
Cổ tức, lợi nhuận được chia	321.379.160	192.137.300
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá cho đầu tư XDCH	1.413.570.248	
- Tổng lợi nhuận tính thuế	39.993.560.759	26.704.584.515
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	9.998.390.190	6.676.146.129
- Chi phí thuế TNDN phải nộp bổ sung cho năm trước	-	179.021.602
Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.998.390.190	6.855.167.731

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

b. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm báo cáo như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ dự án đầu tư trong KCN Tân Đô (Long An)	-	(1.413.570.248)
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ dự án đầu tư trong KCN Tân Đô (Long An)	1.413.570.248	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	353.392.562	(353.392.562)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.050.490.355	17.517.834.782
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.050.490.355	17.517.834.782
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	11.500.000	11.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.500.000	11.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.700	1.523

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	626.722.298.858	548.890.523.332
Chi phí nhân công	68.047.231.424	54.751.304.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.398.482.834	22.756.497.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.329.139.677	21.758.470.374
Chi phí khác bằng tiền	27.461.287.227	26.627.306.230
Cộng	792.958.440.020	674.784.102.674

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Thu nhập của Ban Giám Đốc trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.517.387.942	1.057.113.406
Cộng	1.517.387.942	1.057.113.406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

2. Thông tin báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh đồng thời công ty cũng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.903.123.074	16.041.611.362
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.491.844.116	68.350.788.935
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	227.053.076
Đầu tư dài hạn khác	1.186.396.520	1.186.396.520
Cộng	102.581.363.710	85.805.849.893
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	79.813.196.701	161.506.899.33
Chi phí phải trả	7.353.961.356	5.285.923.433
Các khoản vay	243.479.741.115	227.836.256.511
Cộng	330.646.899.172	85.805.849.893

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4. Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 31/12/2012, như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Hàng tồn kho -Nguyên vật liệu & Thành phẩm	191.679.753.339	174.944.472.614
TSCĐ hữu hình - Máy móc thiết bị	117.514.105.388	105.875.995.523
TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất	6.889.484.398	7.045.037.410
Xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất	30.800.225.885	30.800.225.885
Bất động sản đầu tư - Quyền sử dụng đất	7.907.345.507	8.100.184.079
Cộng	102.581.363.710	326.765.915.511

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ►► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ trên 1 năm đến 10 năm	Cộng
Số cuối năm	290.158.757.107	40.488.142.065	330.646.899.172
Các khoản vay	203.593.624.242	39.886.116.873	243.479.741.115
Phải trả người bán	77.929.900.918	-	77.929.900.918
Phải trả khác	1.281.270.591	602.025.192	1.883.295.783
Chi phí phải trả	7.353.961.356	-	7.353.961.356
Số đầu năm	252.328.360.753	42.300.718.528	294.629.079.281
Các khoản vay	186.207.079.631	41.629.176.880	227.836.256.511
Phải trả người bán	59.742.668.491	-	59.742.668.491
Phải trả khác	1.092.689.198	671.541.648	1.764.230.846
Chi phí phải trả	5.285.923.433	-	5.285.923.433

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ► THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ trọng yếu do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

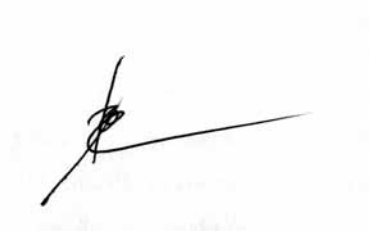
8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

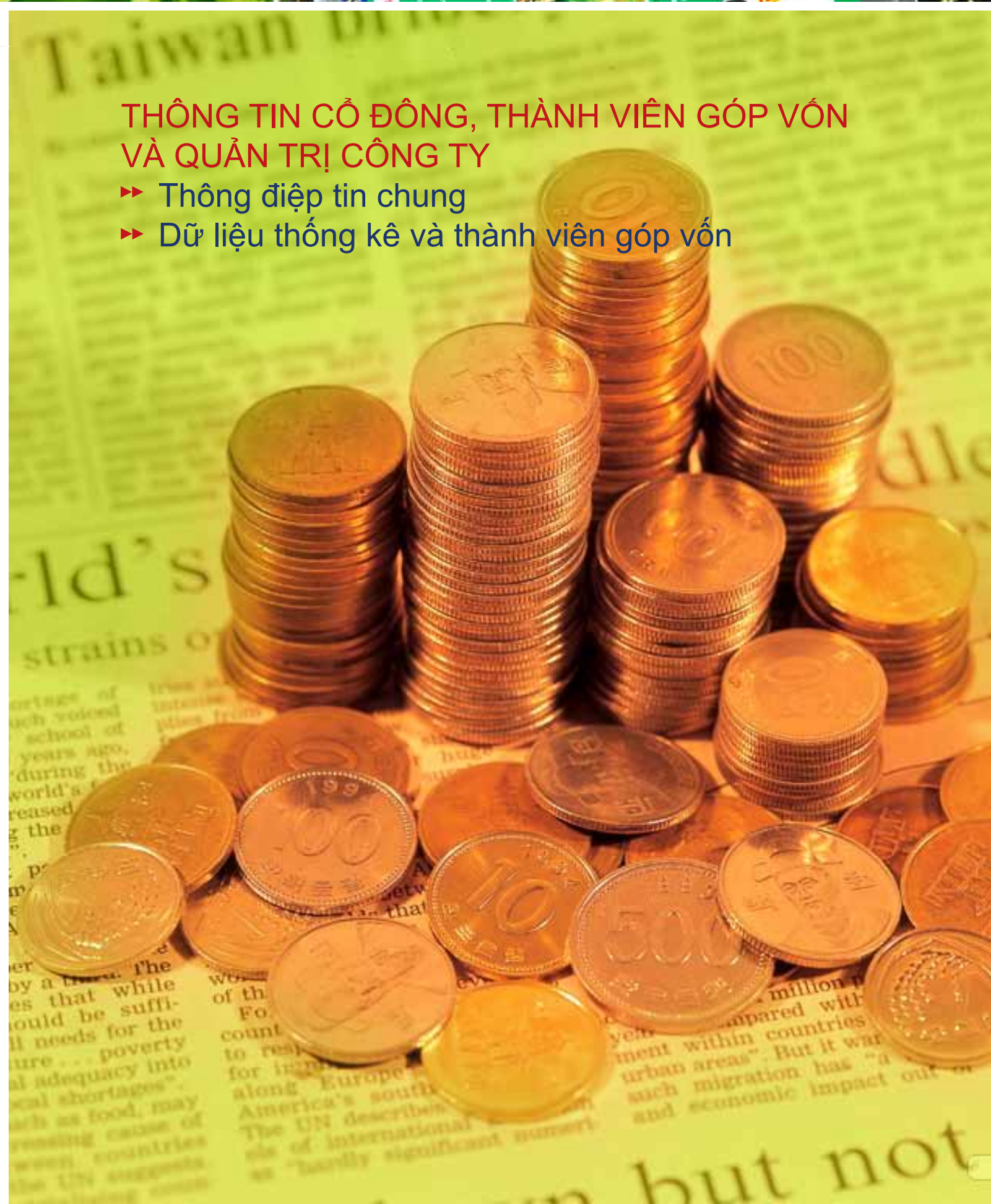
Nguyễn Đắc Hải

Hồ Đức Lam

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2013

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông điệp tin chung
- Dữ liệu thống kê và thành viên góp vốn





THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ►► THÔNG TIN CHUNG

- Tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2011 : 1.205.367.942 đồng
- Tiền thưởng Ban Tổng Giám đốc 2011: 309.750.000 đồng
- Tiền thù lao :

- + Chủ tịch HĐQT: 5 triệu/tháng
- + Thành viên HĐQT: 3 triệu/tháng
- + Trưởng Ban kiểm soát : 3 triệu/tháng
- + Thành viên BKS: 1 triệu/tháng
- + Thư ký HĐQT: 1 triệu/tháng

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

- + Ông Hồ Đức Lam : 2.299.179 cp chiếm 19,99%
- + Ông Nguyễn Đắc Hải : 9054 cp chiếm 0,078%
- + Bà Nguyễn Thị Thu Cúc : 10.000 cp chiếm 0,09%

- Các giao dịch cổ phiếu : Ông Hồ Đức Lam mua 2.229.179 cổ phiếu

sản phẩm Bao bì phức hợp



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ►► DỮ LIỆU THỐNG KÊ VÀ THÀNH VIÊN GÓP VỐN

1. Cổ đông / thành viên góp vốn nhà nước

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước:
Đại chỉ: tầng 23 toà nhà Charmvit 117 Duy Hưng – cầu Giấy Hà Nội
Số cổ phần: 6.233.682 cổ phần = 54,2%

Cổ đông lớn: Ông Hồ Đức Lam
Địa chỉ: M3 Âu Cơ, Quận Tân Bình, TP. HCM
Số cổ phần: 2.299.179 cổ phần, chiếm 19,99%

2. Cổ đông / thành viên góp vốn sáng lập

Cổ đông sáng lập trước khi tăng vốn

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Phần góp vốn (%)
1	Đại diện vốn nhà nước: - Nguyễn Công Chương - Hồ Đức Lam - Lê Đình Túc	653.077	79,19
2	Nguyễn Văn Chiến	12.000	1,45
3	Vương Duy Nhường	12.000	1,45
4	705 Cổ đông khác	147.000	17,91
	Cộng	824.800*100.000 = 82.480.000	100

Cơ cấu góp vốn sau khi thay đổi: năm 2006

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị góp vốn (1000 đồng)	Phần góp vốn (%)
1	Đại diện vốn nhà nước: - Hồ Đức Lam - Lê Đình Túc - Nguyễn Thị Thu Cúc	7.050.672	70.050.672	61,3
2	Nguyễn Văn Chiến	196.361	1.963.610	1,71
3	Vương Duy Nhường	230.355	2.303.550	2,00
4	705 Cổ đông khác	4.022.612	40.226.120	34,99
	Cộng	11.500.000	115.000.000	100

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ►► DỮ LIỆU
THÔNG KÊ VÀ THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Cổ đông / thành viên góp vốn nước ngoài

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Quốc tịch
1	CHEN, BO - TSUEN 2F, no.22, Yunong rd, Banciao city, Taipei county 220, Taiwa	50	Taiwan
2	HAN JUNG SOOK 3F1 469 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, HCM	12.600	Korea, DPR of
3	LIM LYE HIN 8/12 Điện Biên Phủ, P:15, Q:Bình Thạnh, TPHCM	16.000	Singapore
4	Lê TINA D25 Trần Nãi, Khu Hải Quân, Q:2, TPHCM	1.000	USA
5	NUMOTO MICHITAKA 14-15-101 Nishikasumicho Minami-ku Hiroshima 112	800	Japan
6	WATARU MIYAZAWA 6-5-5-603 Chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100	Japan
7	YAMAZAKI ATSUSHI 165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	200	Japan
8	YUTAKA NODA 993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	100	Japan
9	NEW-S SECURITIES Ebisu Bldg, 11-10, 3-Chome, Higashi, Shibuya-Ku, Tokyo	4000	Japan





Luôn Luôn Tốt Hơn

TRỤ SỞ CHÍNH

190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. HCM

ĐT: (84-8) 3969 2272 - Fax: (84-8) 3969 2843

Email: nhuarangdong@rdplastic.vn

Website: www.rdplastic.com.vn - www.aomuarangdong.com - www.facebook.com/nhuarangdong